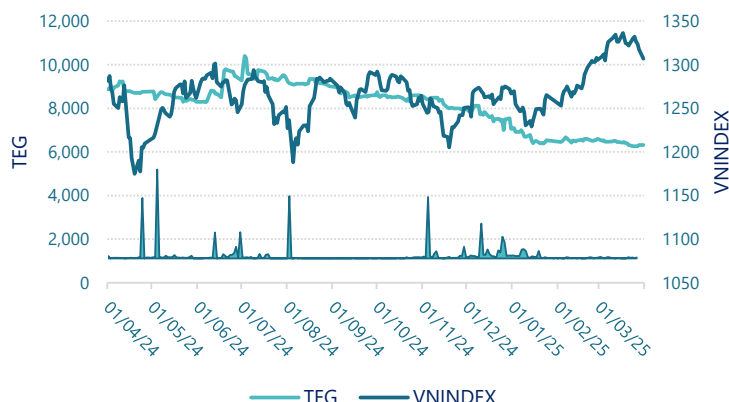


CTCP Năng lượng và Bất động sản Trường Thành (HSX: TEG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,310
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,260
SL cổ phiếu LH	120,806,562
KLGD BQ 20 phiên (CP)	302,130
% sở hữu nước ngoài	5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	762
P/E	85.9
EPS	73

DT thuần

Q1/25

10.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.96 | 10.0%

YoY: ▲ 1.15 | 12.3%

LN sau thuế

Q1/25

4.18

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.67 | 177%

YoY: ▲ 1.40 | 50.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

4.3%

+/- YoY: ▼ 33.6%

DT thuần

2024

299

tỷ VNĐ

YoY: ▼27.0 | -8.2%

LN sau thuế

2024

2.67

tỷ VNĐ

YoY: ▼79.0 | -96.7%

ROE

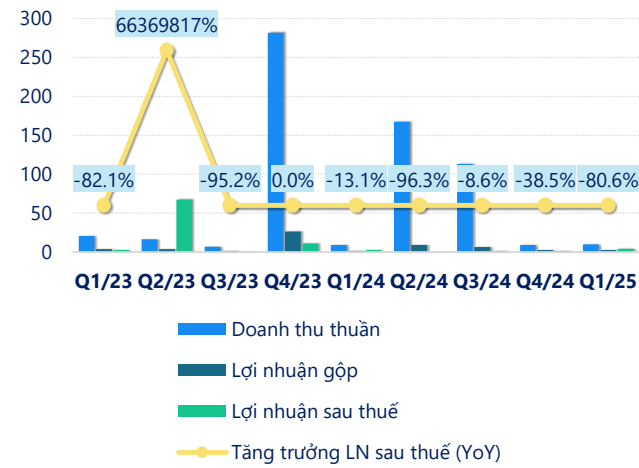
2024

0.4%

+/- YoY: ▼ 6.6%

tỷ VNĐ

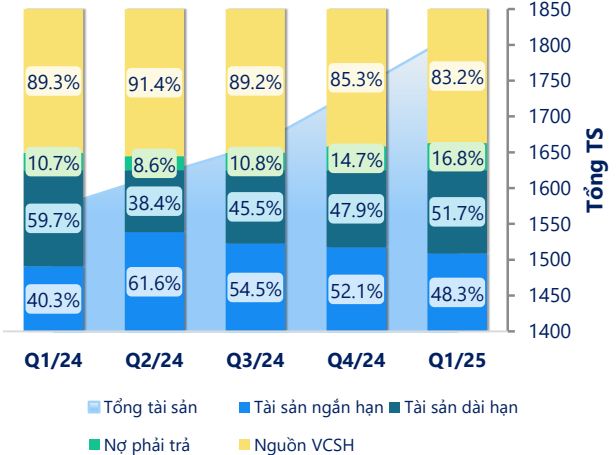
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

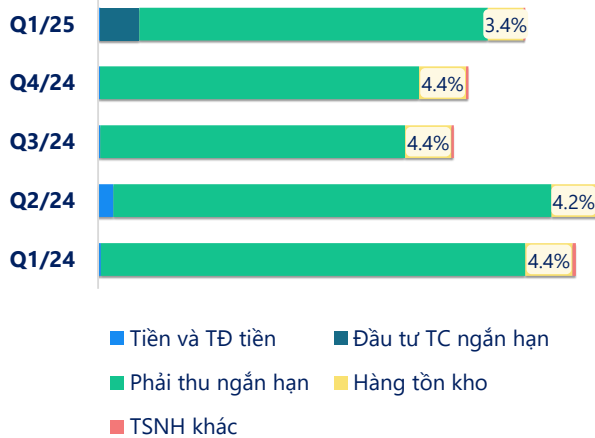
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



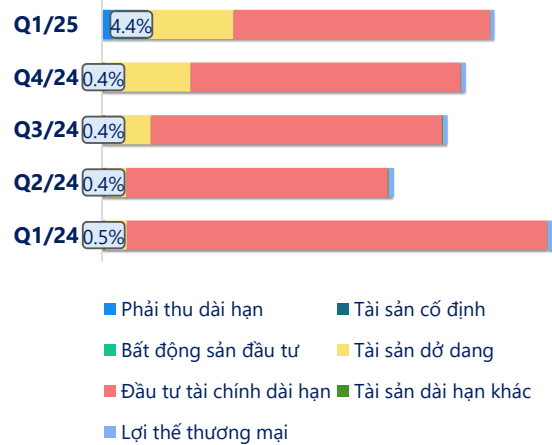
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

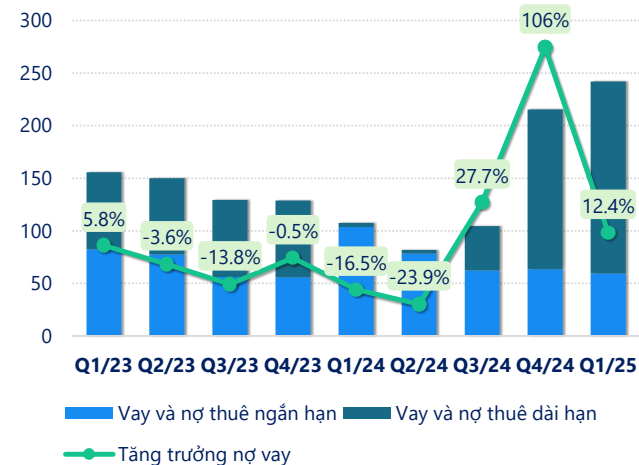
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

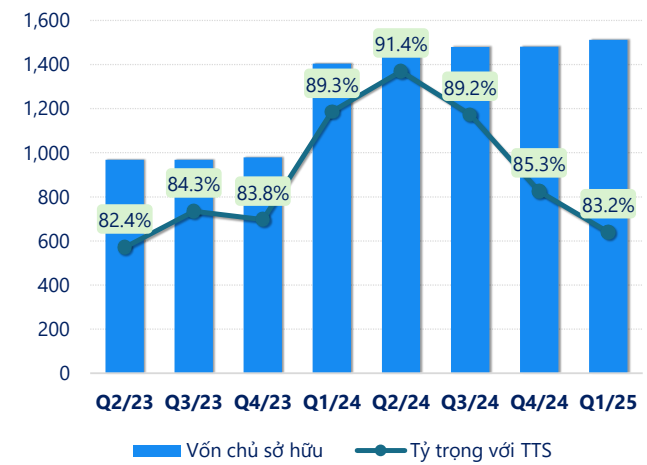
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

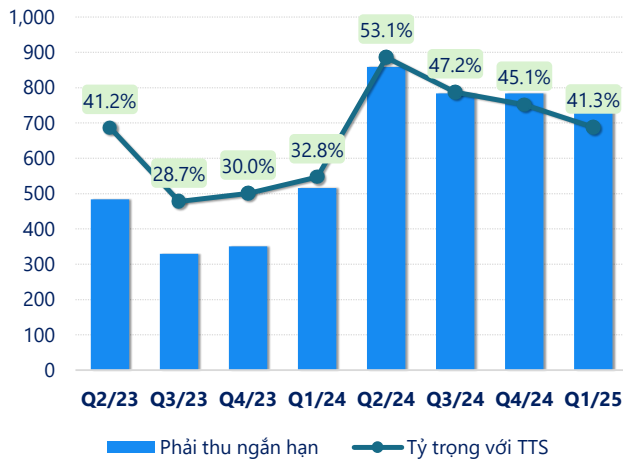
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



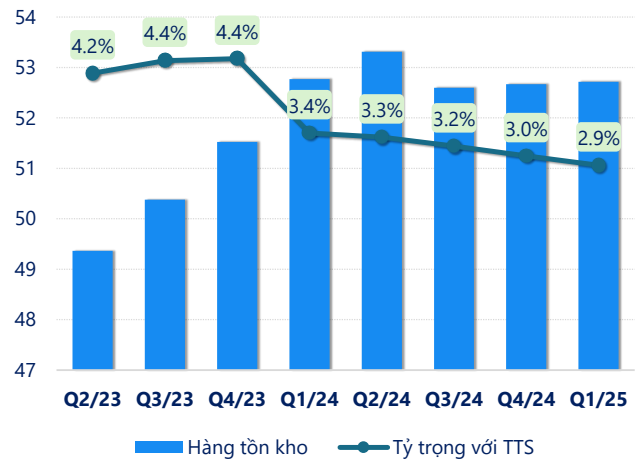
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


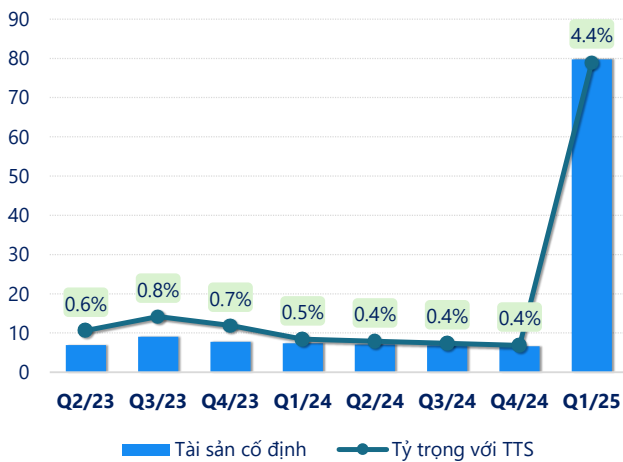
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


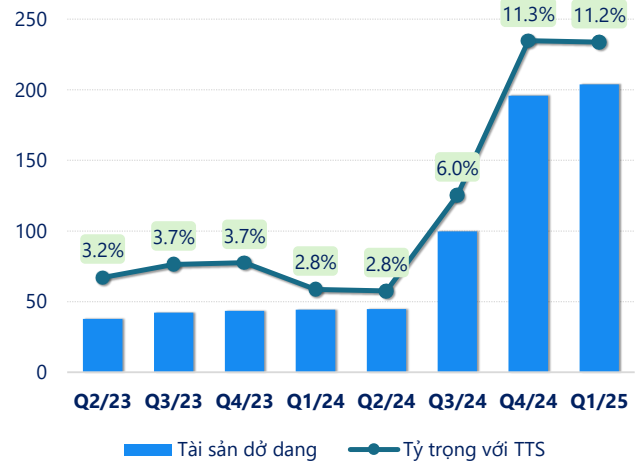
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

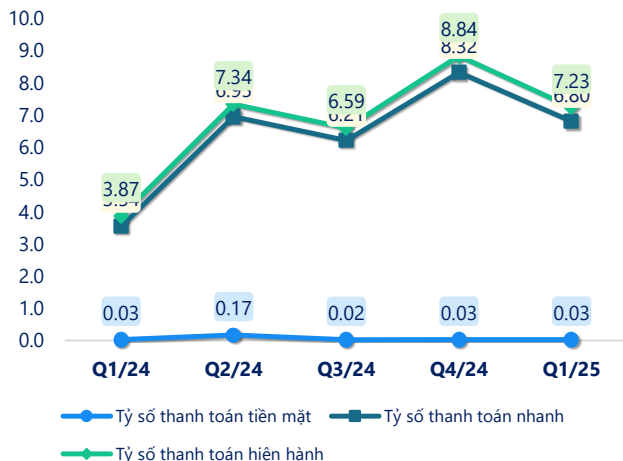
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

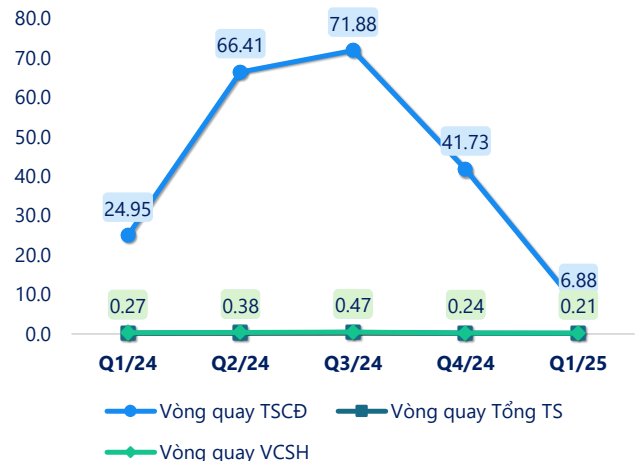
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	1,572	1,617	1,659	1,737	1,817
Tài sản ngắn hạn	633	995	904	905	879
Tiền và tương đương tiền	4.27	23.3	3.23	2.94	3.56
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.7	57.7	62.7	62.7	64.1
Phải thu ngắn hạn	515	859	784	784	750
Hàng tồn kho	52.8	53.3	52.6	52.7	52.7
Tài sản ngắn hạn khác	2.63	1.81	2.19	3.19	8.53
Tài sản dài hạn	939	622	755	832	939
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0	0.00	30.4
Tài sản cố định	7.34	7.08	6.83	6.60	79.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	44.3	44.7	99.8	196	204
Đầu tư tài chính dài hạn	869	557	636	618	614
Tài sản dài hạn khác	1.32	1.81	1.57	1.50	1.40
Lợi thế thương mại	16.6	11.3	10.4	9.61	8.78
Nợ phải trả	167	139	179	256	305
Nợ ngắn hạn	164	136	137	102	121
Vay và nợ thuê ngắn hạn	104	78.4	62.3	63.4	59.3
Phải trả người bán ngắn hạn	8.30	10.3	32.6	8.02	30.1
Nợ dài hạn	3.79	3.38	42.1	153	184
Vay và nợ thuê dài hạn	3.79	3.38	42.1	152	183
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,404	1,478	1,480	1,481	1,512
Vốn chủ sở hữu	1,404	1,478	1,480	1,481	1,512
Vốn điều lệ	1,208	1,208	1,208	1,208	1,208
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)